

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 959/2023/TLST/HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1981; địa chỉ: A B, phường Đ, thành phố H, Thừa Thiên H.

- Chị Nguyễn Thị Xuân Q, sinh năm 1986; địa chỉ: 1 N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Vũ L và chị Nguyễn Thị Xuân Q đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 12/12/2022 nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của anh L, chị Q trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15/5/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Vũ L, chị Nguyễn Thị Xuân Q xác nhận có 01 người con chung: Nguyễn Tiến Q1; sinh ngày 10/5/2023. Anh L, chị Q thỏa thuận: Giao cháu Q1 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh L cấp dưỡng nuôi con cháu Nguyễn Tiến Q1 3.000.000 đồng/tháng kể từ khi Quyết định có hiệu lực đến khi cháu Q1 thành niên (đủ 18 tuổi). Xét việc thỏa thuận của anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị K là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Vũ L, chị Nguyễn Thị Xuân Q xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Vũ L, chị Nguyễn Thị Xuân Q mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự

sơ thẩm mà anh **L**, chị **Q** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003454 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh **L**, chị **Q** đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 27 tháng 11 năm 2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Nguyễn Vũ L**, chị **Nguyễn Thị Xuân Q** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Tiến Q1**; sinh ngày 10/5/2023 cho chị **Nguyễn Thị Xuân Q** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu **Q1** đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Nguyễn Vũ L** cấp dưỡng nuôi con **Nguyễn Tiến Q1** mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **Q1** đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh **Nguyễn Vũ L**, chị **Nguyễn Thị Xuân Q** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Nguyễn Vũ L**, chị **Nguyễn Thị Xuân Q** mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh **L**, chị **Q** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003454 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh **L**, chị **Q** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm*

*2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh T.T.Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- UBND phường Đức;
- (ĐKKH số 46 năm 2022)**
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Hồ Vinh Phú**